Càng trường dạng: - id. Phải nghĩ thêm kiểu dữ liệu. CDepartment (Phong) CRoomType (Tùng) CRoom (Hoa) - id belong to - id - id: int - name has belong to CEmployee (Tân) 1 - roomTypeId: int - name - departmentParentId - area 0..n - floor: int - id - description - number: int + CDepartment() - hireDate - price - status: int has belong to - positionId + CRoomType() + CRoom() - departmentId 0..n - basicSalary 0..n has CServiceType (Công) CService (Ngọc Anh) -memberName CPosition (Tuấn Anh) has belong to - id - id: int belong to - id - name: string - name 0..n - name - description - description: string - departmentId CPerson (Tân) + CServiceType() + CService() + CPosition() - name - sex - dob COrderLine (Kiên) COrder (Trong Anh) - idcard - address belong to - id: int has - phone - orderId - createTime: DateTime - folk - title - status: int 0..n + CPerson() - price: double - guestId: int - employeeld: int + COrderLine() + COrder()

Các trường để trống phải nghĩ thêm.

Với mỗi class, thêm method:

ShowInfors để hiển thị dữ liệu